

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2896/QĐ-UBND

Long An, ngày 13 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện
Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020
và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ văn bản số 602/BKHĐT-TCTK ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 436/TTr-CTK ngày 21/7/2015 của Cục Thống kê tỉnh Long An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Long An.**

Điều 2. Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các Sở ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê, Thủ trưởng các Sở ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT.UBND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Phòng NCTH, KT, VX;
 - Lưu: VT.
- KH_phattrienthongke

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm



**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2011-2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN**
(Kèm theo Quyết định số 2896/QĐ-UBND, ngày 15/8/2015 của UBND tỉnh Long An)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp và tham mưu | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|----------|---|-----------------|--|---------------------|--|
| 1 | Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược | | | | |
| 1.1 | Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược | VP. UBND tỉnh | Cục Thống kê, Sở Nội vụ | Tháng 8/2015 | Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo |
| 1.2 | Phân công nhiệm vụ trong Ban Chỉ đạo | Ban Chỉ đạo | VP. UBND tỉnh, Cục Thống kê, Sở Nội vụ | | Bản phân công |
| 2 | Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và điều phối các hoạt động thống kê | | | | |
| 2.1 | Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê (sửa đổi) và các văn bản liên quan | Cục Thống kê | Các Sở, ban, ngành | 2016 | Bản kế hoạch |
| 2.2 | Xây dựng cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Hệ thống thống kê tập trung với thống kê Sở ngành | Cục Thống kê | Các Sở, ban, ngành | 2016 | Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp và tham mưu | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|---|---|---|----------------------|--|
| 3 | Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê | | | | |
| 3.1 | Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê | | | | |
| - | Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã | Cục Thống kê | Cục Thống kê; Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã | Hàng năm (2016-2020) | Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được cập nhật hàng năm từ năm 2016 - 2020 và góp ý văn bản bổ sung hoàn chỉnh |
| 3.2 | Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các cuộc điều tra thống kê của địa phương | Cục Thống kê | Các Sở, ban, ngành | Hàng năm | Phương án các cuộc điều tra |
| 3.3 | Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê | | | | |
| - | Cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục Thống kê) | Cục Thống kê Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã | 2015, 2020 | - Văn bản góp ý - Triển khai thực hiện |
| - | Cập nhật, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Sở, ngành | Các Bộ, ngành, UBND tỉnh | Các Sở, ban, ngành | 2015, 2020 | - Văn bản góp ý - Triển khai thực hiện |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp và tham mưu | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|----------|---|--|------------------------------------|----------------------|---|
| 4 | Đổi mới, hoàn thiện nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê | | | | |
| 4.1 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tổng cục Thống kê | Cục Thống kê | 2015, 2020 | - Văn bản góp ý - Triển khai thực hiện |
| 4.2 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê trong các hệ thống chỉ tiêu thống kê đã ban hành | | | | |
| | Biên soạn và công bố các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã | Cục Thống kê | Các Sở, ban, ngành, UBND các cấp | Hàng năm (2015-2020) | Bộ chỉ tiêu |
| 5 | Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê | | | | |
| 5.1 | Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin cho công tác thống kê sở, ngành | Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính | Sở, ban, ngành; UBND các huyện, xã | 2015-2016 | - Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp và tham mưu | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|----------|--|--|---|----------------------|--|
| 5.2 | Xây dựng và vận hành hệ cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã, tích hợp vào cơ sở dữ liệu kinh tế-xã hội của địa phương | Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Thống kê | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, xã | Hàng năm (2016-2020) | Cơ sở dữ liệu các chỉ tiêu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được thu thập và công bố |
| 6 | Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê | | | | |
| 6.1 | Triển khai các hoạt động phân tích và dự báo thống kê | Tổng cục Thống kê | Cục Thống kê, các Sở, ban, ngành | Từ năm 2016 | - Các khóa đào tạo |
| 6.2 | Nâng cao năng lực cho các đơn vị thực hiện phân tích và dự báo thống kê | Tổng cục Thống kê | Cục Thống kê, các Sở, ban, ngành | Từ năm 2016 | - Các báo cáo phân tích và dự báo |
| 7 | Phát triển nhân lực làm công tác Thống kê | | | | |
| 7.1 | Củng cố và tăng cường nhân lực làm công tác thống kê Sở, ban, ngành, địa phương; thống kê xã phường | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương | 2015 | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh. - Báo cáo của các Sở, ban, ngành - Báo cáo của UBND cấp huyện |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp và tham mưu | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|----------|--|-----------------|---|---------------------|--|
| 7.2 | Xác định nhu cầu đào tạo nhân lực làm công tác thống kê | Cục Thống kê | Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, xã | 2012-2015 | - Báo cáo nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê phân theo trình độ, hình thức đào tạo và theo năm |
| 7.3 | Đào tạo nhân lực làm công tác thống kê | Sở Nội vụ | Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương | Hàng năm | - Các khóa đào tạo - Các báo cáo đào tạo |
| 8 | Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược | | | | |
| 8.1 | Tổ chức theo dõi thường xuyên việc thực hiện Chiến lược | UBND tỉnh | Cục Thống kê, Sở, ban, ngành | Hàng năm | - Hình thành hệ thống theo dõi thực hiện Chiến lược - Các báo cáo kết quả theo dõi thực hiện Chiến lược |
| 8.2 | Sơ kết, tổng kết thực hiện Chiến lược | UBND tỉnh | Cục Thống kê, Sở, ban, ngành | 2017; 2020 | - Báo cáo sơ kết (2017), báo cáo tổng kết (2020) việc thực hiện Chiến lược tại địa phương - Văn bản đóng góp với Trung ương |